Chương trình học 4 năm đại học ngành Ứng dụng Công nghệ Thông tin hệ VHVL năm học 2023 (lớp mùa thu) trường Tỉnh Ngô (dành cho tân sinh viên năm 2023)

Môn học		Năm 1 (2023)				Năm 2 (2024)				Năm 3 (2025)				Năm 4 (2026)				Tín chỉ
		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		
			Tín chỉ	Tiết học	Tín chỉ	Tiết học		Tín chỉ	Tiết học	Tín chỉ	Tiết học		Tín chỉ	Tiết học	Tín chỉ	Tiết học		Tín chỉ	Tiết học	Tín chỉ	Tiết học	
Môn học bắt buộc	Thường thức bắt buộc – Thường thức chung	Hoa ngữ (1)	2	4			Hoa ngữ (3)	2	2			Hoa ngữ (5)	2	2								
		Lịch sử Đài Loan và phong tục tập quán	3	3			TOCFL (Phần đọc)	2	2			Thể dục (3)	2	2								
		TOCFL (Phần nghe)	3	6			Thể dục (1)	2	2			Hoa ngữ (6)			2	2						
		Trải nghiệm văn hóa bản địa			2	2	Hoa ngữ (4)			2	2	Thể dục (4)			2	2						
		Hoa ngữ (2)			2	2	TOCFL (Phần nói)			2	2											
							Thể dục (2)			2	2											
	Môn học khác																					
		Tổng tín chỉ thường thức bắt buộc	8	13	4	4	Tổng tín chỉ thường thức bắt buộc	6	6	6	6	Tổng tín chỉ thường thức bắt buộc	4	4	4	4	Tổng tín chỉ thường thức bắt buộc	0	0	0	0	32
	Chuyên ngành bắt buộc	Tiếng anh kỹ thuật công nghệ (1)	2	2			Khái niệm và ứng dụng mạng Internet◯	3	3			Kế hoạch tài nguyên doanh nghiệp (1)◯	2	2			Chuyên đề quản trị công nghệ thông tin và công nghiệp（1）	3	3			
		Tiếng anh kỹ thuật công nghệ (2)			2	2	Khái niệm quản lý kỹ thuật công nghệ			3	3	Kế hoạch tài nguyên doanh nghiệp (2)◯			2	2	Chuyên đề quản trị công nghệ thông tin và công nghiệp（2）			3	3	
		Diễn đạt và giao tiếp	2	2			Khái niệm và thực hành TM điện	2	2			Quản lý dự án◯	3	3			Thực tập doanh nghiệp (1)	9	32			
		Ứng dụng phần mềm Window◯			2	2	Khái niệm và thực tập tiếp thị quảng cáo trên mạng◯			2	2	An toàn công nghệ thông tin và hệ thống đám mây◯			3	3						
		Khái niệm về máy tính◯	3	3																		
		Khái niệm mạng máy tính◯			3	3																
		Tổng tín chỉ chuyên ngành bắt buộc	7	7	7	7	Tổng tín chỉ chuyên ngành bắt buộc	5	5	5	5	Tổng tín chỉ chuyên ngành bắt buộc	5	5	5	5	Tổng tín chỉ chuyên ngành bắt buộc	12	35	3	3	49
Môn tự chọn	Thường thức tự chọn																					
			0	0	0	0	Tổng tín chỉ thường thức tự chọn	0	0	0	0	Tổng tín chỉ thường thức tự chọn	0	0	0	0	Tổng tín chỉ thường thức tự chọn	0	0	0	0	0
	Chuyên ngành tự chọn	Quản lý doanh nghiệp	2	2			Giao diện Website	3	3			Thực hành kỹ thuật Internet◯	3	3			Công nghệ và ứng dụng điện tử thông minh◯	3	3			
		Ứng dụng xu hướng phát triển kỹ thuật			2	2	Thiết kế khai phá APP◯			3	3	Quản lý chất lượng	3	3			Thiết kế chương trình điện tử thông minh◯			3	3	
		Thiết kế Website			3	3	Thiết kế ứng dụng (2)◯	3	3			Ứng dụng và thiết kế phương tiện truyền thô	3	3			Thực tập doanh nghiệp (2)			9	32	
		Ứng dụng máy tính đồ họa	3	3			Thiết kế trang mạng◯			3	3	Hệ thống kho dữ liệu	3	3			Thiết kế ứng dụng hậu cần	3	3			
		Thiết kế ứng dụng (1)			3	3	Quản lý sản lượng và sản xuất			3	3	Kỹ năng PPT và cách sử dụng văn bản◯			3	3	Thực hành thị giác máy tính			3	3	
							Ứng dụng và phân tích dữ liệu	3	3			Ứng dụng và khai phá công nghệ tự động			3	3	Thực hành hệ thống đám mây			3	3	
							Khái niệm về ngành game	2	2			Công nghệ thông tin sáng tạo			2	2	Phân tích big data	3	3			
							Thực hành kế hoạch phần mềm game			2	2	Thiết kế chương trình Window			3	3						
							Thực hành đấu game (1)	3	3			Thiết kế sáng tạo game	2	2								
							Thực hành đấu game (2)			3	3	Thực hành quảng cáo game	2	2								
												Thực hành game thực tế ảo			3	3						
		Tổng tín chỉ chuyên ngành tự chọn	5	5	8	8	Tổng tín chỉ chuyên ngành tự chọn	14	14	14	14	Tổng tín chỉ chuyên ngành tự chọn	16	16	14	14	Tổng tín chỉ chuyên ngành tự chọn	9	9	18	41	98
		Tổng	20	25	19	19	Tổng	25	25	25	25	Tổng	25	25	23	23	Tổng	21	44	21	44	179

Ghi chú

1.Bảng chương trình học nà được thiết lập dựa theo quy định đại học và quy định nhà trường, và đã được thông qua hội nghị ngày 7 tháng 3 năm 2023 bởi Ủy viên chương trình học của nhà trường.

2.Chương trình học này k ế hoạch 4 năm, tín chỉ thường thức bắt buộc là 36 tín chỉ, tín chỉ chuyên ngành bắt buộc là 36 tín chỉ, tín chỉ chuyên ngành tự chọn ít nhất phải hoàn
thành 56 tín chỉ, tổng tín chỉ tốt nghiệp là 128 tín chỉ.

3. Đối với những môn học có cả trong học kỳ 1 và 2 thì điểm của cả hai học kỳ đều phải trên trung bình mới có thể tính vào tín chỉ tốt nghiệp.

4. Đối với tín chỉ tự chọn được liệt kê trong bảng, khoa ngành sẽ theo tình hình thực t ế để xem xét việc mở lớp.

5. ◯ có nghĩa là môn học sử dụng phòng máy tính.

6. Tín chỉ môn học thường thức tự chọn không được tính vào tổng tín chỉ tốt nghiệp.

7. Các môn học thường thức có thể tham khảo bảng tổng môn học của trung tâm thường thức.

8. N ế u sau tên môn học có ghi chú "Cùng viện" có nghĩa là môn học cùng học viện.

9. Trước khi tốt nghiệp, sinh viên phải thi đậu được bằng Toclf B1 mới đủ đi ề u kiện tốt nghiệp, n ế u như chưa đạt đi ề u kiện phải tham gia lớp học phụ đạo của trung tâm hoa ngữ.

Chủ nhiệm khoa ngành

Viện trưởng

(ký tên)

năm tháng ngày